TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2019/HS-PT
Ngày: 16/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Ông Vũ Đ Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1025/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2018 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 407/2018/HS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo: Vũ Tuấn Đ; sinh năm 1970 tại Hà Nội; nơi cư trú: Số nhà 13 ngõ 204, đường Tk, phường TK, quận TH, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên Thẩm tra viên chính của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội (đã có quyết định cho thôi việc); trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn K (tên khác: Quyến, đã chết); con bà: Hà Thị T; có vợ là: Hoàng Thanh T (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2017 tại Trại tạm giam T16 - Cục C01 - Bộ Công an. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Nguyễn Văn Trịnh, Luật sư Nguyễn Tuấn Anh - Văn phòng Luật sư Hương Trịnh - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2005, cụ Hà Phụng L, sinh năm 1919, trú tại phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh cùng các con khởi kiện vụ án dân sự về việc tranh chấp tài sản và thừa kế; theo đó, cụ L yêu cầu vợ chồng ông Phan Tô H và bà Lâm Ngọc L là con rể và con gái của cụ L phải trả lại cho cụ thửa đất có diện

tích trên 7.000m^2 cùng nhà, xưởng tọa lạc trên đất tại địa chỉ phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án này đã được Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 05/11/2007 và Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vào ngày 13/5/2008. Cả hai bản án đều đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Hà Phụng L (bút lục 437 - 455). Không đồng ý với các bản án nêu trên, cụ Hà Phụng L làm đơn khiếu nại đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm và ủy quyền cho ông Lâm Cẩm X là con trai cụ L thực hiện việc khiếu nại (bút lục 430 - 431).

Khoảng tháng 7 năm 2008, ông X nhờ người quen là ông Nguyễn Đức H dẫn ra Hà Nội giới thiệu, làm quen và nhờ Vũ Tuấn Đ khi đó là Thẩm tra viên Tòa hình sự của Tòa án nhân dân tối cao xem hồ sơ và lo giúp việc xét xử giám đốc thẩm với mục đích cho cụ L thắng kiện; Đ đồng ý và nhận hồ sơ để nghiên cứu.

Khoảng 01 tuần sau, Đ nói dối ông X là có thể giúp được và yêu cầu ông X đưa trước 400 triệu đồng để chi phí cho những người có thẩm quyền giúp xét xử giám đốc thẩm cho cụ L được thắng kiện; ông Lâm Cẩm X đi cùng ông Nguyễn Đức H ra Hà Nội, ông X trực tiếp đưa cho Đ đủ 400 triệu đồng. Khoảng 02 tháng sau, theo yêu cầu của Đ nên ông X cùng ông H lại ra Hà Nội và đưa tiếp cho Đ là 01 tỷ đồng.

Để tạo lòng tin cho ông X, ngày 10/7/2008, Đ nộp đơn đề nghị xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm của gia đình ông X. Tuy nhiên, ngày 21/4/2011, Tòa án nhân dân Tối cao đã có công văn trả lời đơn số 388/TANDTC-DS trả lời cụ Hà Phụng L với nội dung: "Không có căn cứ để kháng nghị Giám đốc thẩm"; ông X đã đưa văn bản này cho Đ xem. Ngày 12/3/2012 Đ tiếp tục hướng dẫn và nộp hộ ông X đơn khiếu nại đối với công văn này; sau đó, Đ tiếp tục yêu cầu ông X chuyển tiền để chi cho những "Người có thẩm quyền" xét xử giám đốc thẩm cho cụ Hà Phụng L được thắng kiện.

Do ở xa, đi lại vất vả nên ông X đề nghị Đ cho số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền. Đ gửi cho ông X các số tài khoản 15110000068886 và 15110000354460 của cháu ruột Đ là Nguyễn Hồng C, số tài khoản 15110000006576 của bạn C là Phạm Công Đ, đều mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để ông X chuyển tiền theo yêu cầu của Đ.

Từ ngày 08/10/2009 đến ngày 17/12/2015, ông X đã có 41 lần chuyển tiền cho Đ thông qua các tài khoản do Đ cung cấp nêu trên. Tổng số tiền đã chuyển cho Đ nhận là 7.772.860.000 đồng (trong đó có 2.526.500.000 đồng là tiền Đ vay riêng).

Đến cuối năm 2015, do ông X nhiều lần thúc giục nên Đ tự làm giả Quyết định giám đốc thẩm, Đ ghi số 29/DS-GĐT ngày 06/02/2015 (viết tắt là Quyết định giám đốc thẩm số 29)*;* quyết định này có nội dung cụ Hà Phụng L thắng kiện; Đ đã làm giả theo cách tự soạn thảo văn bản và photo ghép con dấu, chữ ký ở các văn bản khác vào. Sau đó, Đ báo đã có quyết định giám đốc thẩm và bảo ông X ra Hà Nội sẽ cho xem quyết định. Khi ông X ra Hà Nội, Đ không

giao văn bản mà chỉ cho xem vì sợ ông X biết là giả mạo. Ông X thắc mắc tại sao không có bản chính (bản có đóng dấu đỏ) thì Đ nói "bản chính đã gửi vào Văn phòng 2 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án". Đ yêu cầu ông X đưa tiếp là 600 triệu đồng để lo chi phí cho việc thi hành án nhưng ông X chưa có tiền. Do nghi ngờ Quyết định giám đốc thẩm số 29 là giả mạo nên khoảng 01 tháng sau, ông X nhờ ông Đặng Ngọc Q (nguyên Thẩm phán Tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh) cùng ra Hà Nội gặp Đ. Ông Q giả làm người sẽ mua mảnh đất đang tranh chấp và cho ông X vay 600 triệu đồng. Ông Q xem và dùng điện thoại di động để chụp ảnh Quyết định giám đốc thẩm số 29 nêu trên (bút lục 115 - 124). Sau đó, ông X và ông Q về kiểm tra, xác minh và xác định Quyết định giám đốc thẩm 29 là giả mạo; ông X và ông Q ra Hà Nội thông báo cho Đ biết việc giả mạo này, yêu cầu Đ trả lại toàn bộ tiền đã nhận. Đ hứa sẽ kiểm tra, hỏi lại những người có thẩm quyền và sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận nhưng sau đó Đ không thực hiện; ông Lâm Cẩm X đã gửi đơn tố cáo Vũ Tuấn Đ tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (C44).

Tại Cơ quan điều tra: Vũ Tuấn Đ thừa nhận có nhận trực tiếp 400 triệu đồng của ông X nhưng ông X tự nguyện cho Đ vì Đ tư vấn giúp ông X; Đ xác định có nhận của ông X là 7.772.860.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng, có 5.246.360.000 đồng dùng để giúp việc cho ông X và 2.526.500.000 đồng là tiền vay cá nhân (đã trả là 1.145.000.000 đồng và còn nợ là 1.381.500.000 đồng); Đ không nhận và không chiếm đoạt 01 tỷ đồng tiền mặt như lời khai của ông X. Ban đầu, Đ khai nhận có yêu cầu ông X đưa tiền cho Đ theo yêu cầu của "Người có thẩm quyền" rồi Đ đã đưa tiền cho "Người có thẩm quyền"; Quyết định giám đốc thẩm số 29 là Đ nhận từ "Người có thẩm quyền", "Người có thẩm quyền" đã yêu cầu Đ đưa 600 triệu đồng để lo việc thi hành án Quyết định Giám đốc thẩm nhưng Vũ Tuấn Đ không khai ra được những "Người có thẩm quyền" là ai. Đ khai có nhận 01 tỷ đồng tiền mặt là tiền do ông X và ông H đưa nhờ hỏi hộ việc vay vốn ngân hàng (bút lục 276 - 279) và Đ cũng đã trả lại ông X tại 04 lần chuyển tiền qua tài khoản; Sau đó, Đ thay đổi lời khai và trình bày: Các lần yêu cầu ông X đưa tiền đều do Đ tự nghĩ ra; Đ có sử dụng khoảng 200 triệu đồng chi ngoại giao, còn lại là chi tiêu cá nhân như: Chi phí đi học lớp chính trị cao cấp, lớp đào tạo nghiệp vụ Thẩm phán và thuốc men chữa bệnh cho mẹ, chị gái của Đ); Quyết định giám đốc thẩm số 29 là do Đ làm giả bằng cách tự mình soạn thảo văn bản và phô tô ghép con dấu, chữ ký vào văn bản. Đ không thừa nhận việc đã nhận và chiếm đoạt 01 tỷ đồng của ông X; khi ông X nhờ Đ giúp việc thi hành án thì Đ có hỏi "người có thẩm quyền" và biết chi phí khoảng 600 triệu đồng.

Căn cứ lời khai của bị cáo Đ, của ông Lâm Cẩm X, người làm chứng ông Nguyễn Đức H, ông Đặng Ngọc Q và tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xác định Vũ Tuấn Đ có hành vi lừa đảo và chiếm đoạt tài sản của ông Lâm Cẩm X là 6.646.360.000 đồng; bao gồm: Chiếm đoạt 1.400.000.000 đồng qua 02 lần nhận tiền trực tiếp và 5.246.360.000 đồng nhận qua tài khoản ngân hàng của Nguyễn Hồng C, Phạm Công Đ.

Đối với 2.526.500.000 đồng do nhận qua tài khoản Ngân hàng còn lại: Đ khai là khoản tiền vay của ông X, đã trả 1.145.000.000 đồng và còn nợ là 1.381.500.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ông X đã nhất trí với lời khai này của Đ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng, đồ vật gồm: 01 thẻ nhớ màu đen có chữ Kingmax 1GB Micro và 01 thẻ nhớ màu đen có chữ Micro HC4GB do ông X giao nộp, bên trong lưu giữ nội dung ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa vợ chồng ông X với Đ, nội dung ông Đặng Ngọc Q chụp ảnh Vũ Tuấn Đ và Quyết định giám đốc thẩm số 29 khi ông X và ông Q ra Hà Nội, gặp Đ và được cho xem quyết định này; 01 căn cước công dân số 001070008196 mang tên Vũ Tuấn Đ; 01 hộ chiếu công vụ số SI 147627 mang tên Vũ Tuấn Đ (được lưu giữ theo hồ sơ vụ án). Cơ quan điều tra còn thu giữ của Vũ Tuấn Đ 02 điện thoại di động đã qua sử dụng và chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (bút lục 155-157).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 407/2018/HS-ST ngày 01/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Tuấn Đ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017);*

Xử phạt bị cáo Vũ Tuấn Đ 13 (mười ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Tuấn Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, ghi nhận thỏa thuận dân sự giữa bị cáo và người bị hại, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/11/2018, bị cáo Vũ Tuấn Đ kháng cáo với các nội dung:

+ Không đồng tình với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần; Cho rằng hình phạt quá nặng, đề nghị giảm hình phạt.

+ Không đồng tình việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.400.000.000 đồng của ông Lâm Cẩm X;

+ Ông Lâm Cẩm X đã viết đơn và chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường 4.000.000.000 đồng nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận;

+ Cần tuyên rõ về khoản tiền vay mượn cá nhân với ông Lâm Cẩm X hơn 2,5 tỷ đồng, bị cáo đã trả 1.145.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Vũ Tuấn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Gia đình bị cáo xuất trình 01 đơn + 01 biên lai thu tiền của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội về việc đã nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc: Bị cáo không nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của ông Lâm Cẩm X; việc bị hại chỉ đề nghị bị cáo phải bồi thường 4.000.000.000 đồng và việc bị cáo kháng cáo không phạm tội nhiều lần.

+ Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thêm 50.000.000 đồng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (quá nhỏ so với số tiền chiếm đoạt).

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo Đ có quan điểm:

+ Đồng ý về tội danh, khung hình phạt.

+ Không có căn cứ về việc bị cáo Đ đã nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của ông Lâm Cẩm X.

+ Bị hại có chuyển tiền nhiều lần là do hoàn cảnh không thể chuyển tiền một lần, do đó xác định bị cáo phạm tội nhiều lần là không chính xác.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng, bồi thường thêm 50.000.000 đồng, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của người bị hại, người làm chứng, các tài liệu điều tra về chuyển tiền qua các tài khoản, vật chứng thu giữ (điện thoại của bị cáo, các thẻ nhớ, đĩa ghi âm…) phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay về chức năng, nhiệm vụ của bị cáo; về hành vi tự soạn thảo nội dung, cắt ghép, phô tô con dấu, chữ ký từ văn bản khác để giả lập văn bản "Quyết định giám đốc thẩm số 29/DS-GĐT ngày 06/02/2015" … Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Từ năm 2008 đến năm 2015, bị cáo Vũ Tuấn Đ đã có hành vi lừa dối ông Lâm Cẩm X rằng có thể lo giúp cụ Hà Phụng L là mẹ của ông Lâm Cẩm X thắng kiện theo thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án dân sự mà Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử cụ L thua kiện, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Sau khi hứa hẹn, Đ đã nhiều lần yêu cầu ông X chuyển tiền với lý do để giao dịch, chi phí…cho "người có thẩm quyền" và chiếm đoạt của ông X với tổng số tiền 6.646.360.000 đồng, trong đó nhận trực tiếp 02 lần với số tiền 1.400.000.000 đồng và nhiều lần nhận tiền thông qua tài khoản của anh Nguyễn Hồng C và anh Phạm Công Đ với tổng số tiền 5.246.360.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được bị cáo đã sử dụng cho mục đích cá nhân.

Với hành vi phạm tội của bị cáo, với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, chính xác, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo về việc xin giảm hình phạt của bị cáo:

Khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Trtong vụ án này, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; là người có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, gia đình bị cáo có công với Nhà nước; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, trong khoảng thời gian dài. Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, n khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt 13 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng, người bị hại ông Lâm Cẩm X đã nhận; trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục tác động đến gia đình bồi thường thêm số tiền 50.000.000 đồng (người nộp chị Vũ Kim Dung là chị gái của bị cáo, nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội ngày 08/4/2019). Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, đồng thời đối trừ số tiền 50.000.000 đồng với phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo về việc không nhận số tiền 1.400.000.000 đồng của ông Lâm Cẩm X: Đây là số tiền bị cáo đã trực tiếp nhận qua 02 lần từ ông Lâm Cẩm X, khi bị cáo nhận tiền có mặt của ông Nguyễn Đức H. Trong đó, số tiền 400.000.000 đồng bị cáo cho rằng ông X tự nguyện bồi dưỡng cho bị cáo xong không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, ông X không thừa nhận. Số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại, ban đầu bị cáo Đ khai đã chuyển trả ông X qua tài khoản làm 04 lần; sau lại khai không nhận số tiền này. Trong khi đó, ông X, ông H đều có lời khai khẳng định đã đưa số tiền 1.000.000.000 đồng cho bị cáo theo yêu cầu. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh không có sự kiện bị cáo chuyển số tiền này trả lại cho ông X, đồng thời tiến hành điều tra xác minh việc ông X, ông H có ra Hà Nội vào thời điểm đã khai đưa tiền cho Đ. Như vậy, lời khai của Đ trong việc nhận/trả tiền có nhiều mâu thuẫn, lời khai của người bị hại và người làm chứng là nhất quán, đã được Cơ quan điều tra xác minh, chứng minh. Hội đồng xét xử xác định việc bị cáo nhận số tiền này là có thực, chưa thanh toán. Do đó, kháng cáo về nội dung này của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo về việc bị cáo cho rằng ông Lâm Cẩm X chỉ đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền 4.000.000.000 đồng, nhưng bản án sơ thẩm vẫn buộc

bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt là 6.646.360.000 đồng: Căn cứ quan điểm của ông X tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 01/11/2018 thể hiện ông X yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt, không thể hiện việc ông X chỉ yêu cầu số tiền bồi thường là 4.000.000.000 đồng như trong đơn kháng cáo và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Do đó nội dung kháng cáo này của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo về việc nghĩa vụ vay nợ giữa bị cáo và ông Lâm Cẩm X thấy: Tại mục 2 phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã ghi nhận thỏa thuận dân sự giữa bị cáo và người bị hại tại phiên tòa sơ thẩm một cách rõ ràng, theo đó bị cáo có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lâm Cẩm X số tiền 1.381.500.000 đồng. Do đó nội dung kháng cáo này của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo, do kháng cáo được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Vũ Tuấn Đ. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 407/2018/HS-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự như sau:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s và v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Vũ Tuấn Đ 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Tuấn Đ.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự:

2.1. Buộc bị cáo Vũ Tuấn Đ phải bồi thường cho ông Lâm Cẩm X 6.646.360.000 (sáu tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng, được trừ vào khoản 100.000.000 (một trăm triệu) đồng do gia đình bị cáo tự nguyện nộp và ông Lâm Cẩm X đã nhận ngày 17/10/2018, bị cáo còn phải bồi thường là 6.546.360.000 (sáu tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

2.2. Ghi nhận việc trước khi xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo đã bồi thường thêm cho người bị hại Lâm Cẩm Xương số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0004527 ngày 08/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

2.3. Bị cáo Vũ Tuấn Đ còn phải bồi thường cho ông Lâm Cẩm X số tiền 6.496.360.000 (sáu tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

3. Ghi nhận thỏa thuận dân sự giữa bị cáo và ông Lâm Cẩm X tại phiên tòa sơ thẩm về khoản vay nợ cá nhân: Bị cáo Vũ Tuấn Đ còn phải trả nợ cho ông Lâm Cẩm X số tiền 1.381.500.000 (một tỷ ba trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn) đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- TTG T16 – Cục C01 – Bộ Công an;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HSVA, phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Hải Thanh